TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2020
V/v "Tranh chấp về xác định mẹ cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Tân
2. Ông Lê Thành Thật

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp về xác định mẹ cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Ngọc H, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Khóm T, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.
2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1943.
Địa chỉ: Khóm T, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị S, sinh năm 1944.
Địa chỉ: Khóm 2, phường N, quận N, thành phố C. Có yêu cầu được vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tố tụng ông Trương Ngọc H trình bày: Cha của ông là ông Trương Ngọc H1, ông H1 có hai người vợ là bà Võ Thị S và bà Hồ Thị L. Bà S là vợ đầu và bà L là vợ thứ. Ông là con của

bà Hồ Thị L nhưng khi làm Giấy khai sinh cho ông vào năm 1972 thì ông H1 khai họ tên cha Trương Ngọc H1, họ tên mẹ Võ Thị S.

Nay ông yêu cầu Tòa án xác định mẹ của ông là bà Hồ Thị L. Chứng cứ chứng minh cho việc xác định ông là con của bà L là kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số: 6901-DTHPT-DNA HT của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tố tụng bà Hồ Thị L trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của Trương Ngọc H về việc H là con của ông Trương Ngọc H1 và bà (Hồ Thị L). Do bà là vợ sau của ông H1 nên khi làm Giấy khai sinh cho H, ông H1 không khai bà là mẹ mà khai tên mẹ là bà Võ Thị S là vợ chính thức của ông H1 để được hưởng lương và chế độ vào thời điểm đó.

Về việc H căn cứ kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số: 6901-DTHPT-DNA HT của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019, để yêu cầu Tòa án xác định bà là mẹ đẻ của H thì bà thống nhất, nhằm xác định quan hệ huyết thống và phù hợp giấy tờ có liên quan.

Theo bản tự khai và biên bản Tòa án ghi lời khai trong quá trình tố tụng bà Võ Thị S trình bày: Bà là vợ lớn của ông Trương Ngọc H1, còn bà Hồ Thị L là vợ thứ. Năm 1972, khi làm Giấy khai sinh cho H ông H1 khai họ tên cha là Trương Ngọc H1 và họ tên mẹ là Võ Thị S, lý do ông H1 khai như vậy là vì bà với ông H1 là vợ chồng chính thức, còn bà L là vợ sau của ông H1.

Nay H yêu cầu Tòa án xác định bà L là mẹ của H thì bà đồng ý, vì thực tế bà không phải là mẹ đẻ của H. Bà thống nhất kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số: 6901-DTHPT-DNA HT của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019. Do bà lớn tuổi, sức khỏe kém và ở xa nên việc đi lại khó khăn, bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tống đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 175, 177 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định BLTTDS về xét xử vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, 71, 72, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đủ quyền, nghĩa vụ quy định Điều 70, 73 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương Ngọc H, xác định bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của ông Trương Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về xác định mẹ cho con, bị đơn có địa chỉ thường trú tại khóm T, phường X, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị S có đơn yêu cầu được vắng mặt. Các đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Trương Ngọc H căn cứ kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số: 6901-DTHPT-DNA HT của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019, yêu cầu Tòa án xác định bà Hồ Thị L là mẹ của ông. Ông H cho rằng cha của ông là ông Trương Ngọc H1, ông H1 có vợ là bà Võ Thị S, sau đó sống chung với bà Hồ Thị L và sinh ra ông nhưng khi làm Giấy khai sinh thì ông H1 khai họ tên cha là ông Trương Ngọc H1, họ tên mẹ là bà Võ Thị S vì bà L là vợ sau của ông H1. Mặc dù Giấy khai sinh của ông ghi họ tên mẹ là bà Võ Thị S nhưng thực tế bà L mới là mẹ đẻ và được bà L thừa nhận, bà S không phản đối và kết quả xét nghiệm cũng kết luận, xác suất bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của ông Trương Ngọc H là 99,9999%.

[3] Bà Hồ Thị L và bà Võ Thị S thống nhất lời trình bày của ông H về việc yêu cầu Tòa án xác định bà L là mẹ đẻ của ông H, vì cho rằng thực tế bà L là mẹ đẻ của ông H, nhưng do bà L là vợ thứ nên ông H1 khai tên mẹ là vợ chính thức Võ Thị S.

Nhằm xác định quan hệ huyết thống và bổ sung hồ sơ giấy tờ có liên quan, bà L và bà S thống nhất xác định bà L là mẹ đẻ của ông Trương Ngọc H như kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số: 6901-DTHPT-DNA HT của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019 kết luận.

[4] Qua lời trình bày của đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy, kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số: 6901-DTHPT-DNA HT của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019 thể hiện người yêu cầu xét nghiệm là ông Trương Ngọc H, họ tên người được thực hiện xét nghiệm là bà Hồ Thị L là Mẹ giả định và ông Trương Ngọc H là Con. Kết quả xét nghiệm kết luận: Kết quả trên cho thấy người con và người mẹ giả định có chung một số gen ở tất cả các loci được khảo sát ở trên nên không loại bỏ được sự liên hệ huyết thống mẹ con.

Mặt khác dựa vào số liệu tần suất các "gen alen" của người Việt Nam ở các loci trên và sau khi so sánh những dữ liệu có được với một người Việt Nam không liên hệ huyết thống, xác suất bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của Trương Ngọc H là 99,9999%.

Kết luận trên của Bệnh viện Truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2019 được bà L thừa nhận, bà S không phản đối và cùng thống nhất yêu cầu của ông H. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương Ngọc H xác định bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của ông Trương Ngọc H, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Ông Trương Ngọc H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 4, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2, Điều 101; Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc H.

Xác định bà Hồ Thị L là mẹ đẻ của ông Trương Ngọc H.

2. Về án phí: Ông Trương Ngọc H tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005108, ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p H thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP;

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hùng Bích **Đoàn Kim Thạnh** **Nguyễn Thị Hoa**